

Bản án số: 08/2021/KDTM-ST.

Ngày: 30-9-2021.

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Đức Thụy;

Ông Trịnh Văn Bé;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ: số 22 N, phường T, Quận H, thành phố Hà Nội;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình L, chủ tịch Hội đồng quản trị; là người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Hoàng Trung N; chức vụ Phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc Tài sản; nơi cư trú: lầu 2, số 264E Lê Văn Sỹ, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền.

Ông Lê Tiến Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: Trần Hưng Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; là người đại diện theo ủy quyền; xin vắng mặt;

Ông Trần Phương K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Trần Hưng Đ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; là người đại diện theo ủy quyền; xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

Bà Lê Thị N1, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Tiến Đ trình bày:*

Ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 có vay vốn tại Ngân hàng T theo hợp đồng tín dụng số 169/2019/HĐHM/PVB-CNAG.PGD LX ngày 23/9/2019 với mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh gạch nung; số tiền vay 760.000.000 đồng, lãi suất trong hạn: Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân và thời hạn điều chỉnh được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được bên vay trả nợ đúng hạn; lãi suất cơ cấu lại tại thời hạn trả nợ: do ngân hàng xác định tại thời điểm quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ; lãi suất chậm trả lãi: theo quy định của ngân hàng tại từng thời kỳ nhưng không vượt quá 10%/năm. Thực hiện hợp đồng vay ngân hàng đã giải ngân toàn bộ cho ông C, bà N1 số tiền vay là 760.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông C, bà N1 đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 31/8/2017 cho ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1, tài sản gắn liền với đất là nhà ở, cấp Iva, loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ; theo hợp đồng thế chấp số 169/2019/HĐBĐ/PVB-CNAG.PGD LX ngày 23/9/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông C, bà N1 vẫn không thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ trên. Tính đến ngày 16/3/2021 ông C, bà N1 còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng 915.249.778, trong đó tiền gốc 760.000.000 đồng, tiền lãi là 155.249.778 đồng.

Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày ngày 16/3/2021 ông C, bà N1 còn nợ ngân hàng số tiền tổng cộng 915.249.778, trong đó tiền gốc 760.000.000 đồng, tiền lãi là 155.249.778 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 17/3/2021 cho đến khi ông C, bà N1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong trường hợp ông C, bà N1 không trả hoặc trả không đủ số nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông C, bà N1 đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ; khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ cho ngân hàng thì ông C, bà N1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho ngân hàng

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C, bà N1 không gửi văn bản ghi ý kiến của bà về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C, bà N1.

Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử

vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

*\* Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền vay còn nợ của nguyên đơn đây là tranh chấp dân sự hợp đồng và tranh chấp Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 trả tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thu thập chứng cứ bị đơn có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên Tòa án xác định lại đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn Ngân hàng T, bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[4]. Về thu thập chứng cứ:

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án có thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông

Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày ngày 16/3/2021 ông C, bà N1 còn nợ ngân hàng số tiền tổng cộng 915.249.778, trong đó tiền gốc 760.000.000 đồng, tiền lãi là 155.249.778 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 17/3/2021 cho đến khi ông C, bà N1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong trường hợp ông C, bà N1 không trả hoặc trả không đủ số nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông C, bà N1 đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ; khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ cho ngân hàng thì ông C, bà N1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt theo quy định pháp luật, nhưng ông C, bà N1 không có ý kiến về chứng cứ nguyên đơn cung cấp, không có ý kiến phản bác hay phản tố lại yêu cầu của người khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

*\* Về nội dung vụ án:*

[5]. Về hợp đồng, yêu cầu khởi kiện: Giữa Ngân hàng, ông C, bà N1 có xác lập hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ là giao đầy đủ số tiền cho bị đơn. Các bên thực hiện hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, do ông C, bà N1 vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Về lãi suất: Căn cứ thỏa thuận của các đương sự tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký, tại bảng kê lãi tạm tính đến ngày 30/9/2021 là 228.121.380 đồng, trong đó lãi trong hạn 56.130.520 đồng, lãi quá hạn 163.262.679 đồng, lãi chậm trả 8.728.181 đồng. Cách tính lãi và số tiền lãi trên phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Về xử lý tài sản thế chấp: khoản nợ của ông C, bà N1 được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 49, đất tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 31/8/2017 cho ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1, tài sản gắn liền với đất là nhà ở, cấp Iva, loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ; theo hợp đồng thế chấp số 169/2019/HĐBĐ/PVB-CNAG.PGD LX ngày 23/9/2019 được công chứng tại văn phòng công chứng L, đồng thời đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang. Nội dung và hình thức thế chấp phù hợp quy định tại các Điều 298, 317, 319 Bộ luật dân sự 2015, Điều 188 Luật đất đai nên có giá trị pháp lý.

Căn cứ Điều 299, 322, 323 Bộ luật Dân sự 2015 thì Ngân hàng được

quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp, sau khi trừ các lệ phí liên quan theo quy định pháp luật sẽ được trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trả nợ còn dư thì sẽ hoàn lại cho ông C, bà N1, trường hợp trả nợ không đủ thì ông C, bà N1 phải tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ.

Trường hợp ông C, bà N1 trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả cho ông C, bà N1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK 390194, thửa đất số 9, tờ bản đồ số 49, diện tích 558,3m<sup>2</sup>, đất tọa lạc ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/8/2017 cho ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 thế chấp cho Ngân hàng thì trên đất không phát sinh thêm vật, công trình nào khác. Hiện diện tích và căn nhà trên đất do ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 quản lý, sử dụng.

[8]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[9]. Về án phí kinh doanh thương mại trong vụ án dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Chi phí tố tụng: Bị đơn phải hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, 92, 144, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 280, 288, 299, 317, 319, 322, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 188 Luật đất đai;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền gốc 760.000.000 (bảy trăm sáu mươi triệu) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2021 là 228.121.380 (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm hai mươi một nghìn ba trăm tám mươi) đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2021: 988.121.380 (chín trăm tám mươi tám triệu một trăm hai mươi một nghìn ba trăm tám mươi) đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 không trả nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 169/2019/HĐBĐ/PVB-CNAG.PGDLX ngày 23/9/2019 của ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 theo quy định của pháp luật về thu hồi nợ, tài sản thế chấp là:

Diện tích 556,3m<sup>2</sup>, loại đất ở tại nông thôn, thửa đất số 9, tờ bản đồ số 49 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Ck 390194, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03813 do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 31/8/2017;

Tài sản gắn liền với đất trên: Nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 167,1m<sup>2</sup>, diện tích sàn 167,1m<sup>2</sup>, cấp IVa.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

Án phí kinh doanh thương mại trong vụ án dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại trong vụ án dân sự sơ thẩm là 41.643.641 (bốn mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi một) đồng.

Ngân hàng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 19.728.000 (mười chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn) đồng theo biên lai số 0009522 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N1 phải hoàn trả cho Ngân hàng T chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên, đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thi**